

Bản án số: **155/2017/KDTM-ST**

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày từ 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2016/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXXST-KDTM ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần A; trụ sở tại Lô C, Đường P, Khu dân cư M, phường Z, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Hữu N – sinh năm 1978, trú tại Đường V, tổ Y, khu phố I, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2016). (*Có mặt*)

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH T; trụ sở tại Đường Q, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Mai Thanh P – chức vụ: Giám đốc (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A có ông Trần Hữu N trình bày:

Ngày 26/6/2009, Công ty T (sau đây gọi tắt là bị đơn hoặc công ty T) có ký hợp đồng mua bê tông thương phẩm số 48/HĐKT/SnC/XNBT với Công ty A (sau đây gọi tắt là nguyên đơn). Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên công ty nhiều lần chốt nợ và gia hạn thời gian thanh toán nhưng bị đơn vẫn nợ lại nguyên đơn số tiền 244.951.524 đồng.

Nguyên đơn nhiều lần nhắc và yêu cầu bị đơn thanh toán, bị đơn nhiều lần hẹn thanh toán nhưng vẫn không thanh toán theo như cam kết gây ảnh hưởng tới quyền lợi của phía nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu công ty T thanh toán số tiền 244.951.524 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu thanh toán một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phía bị đơn, Công ty T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do nên không rõ ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ; kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Công ty A cùng Công ty T có ký hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty A khởi kiện yêu cầu thanh toán công nợ. Đây là quan hệ pháp luật Kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hoá quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty T có đăng ký trụ sở hoạt động tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 3600449307, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/5/2013 thì người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Lê Anh L – Tổng giám đốc. Căn cứ giấy uỷ quyền ngày 28/4/2016, ông Lê Anh L uỷ quyền cho ông Trần Hữu N đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng, việc uỷ quyền của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0302706867 đăng ký lần đầu ngày 27/8/2002, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 28/4/2004 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Mai Thanh P – Giám đốc và trụ sở chính đăng ký tại địa chỉ Đường Q, Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn lên tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến và yêu cầu gì gửi cho Tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn,

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số số 48/HĐKT/SnC/XNBT ngày 26/6/2009; Giấy xác nhận công nợ ngày 22/07/2013 cùng các hóa đơn giá trị gia tăng số 0109634 ngày 26/6/2009, 0109748 ngày 29/7/2009, 0012956 ngày 21/8/2009, 0013045 ngày 28/9/2009, 0115180 ngày 16/12/2009, 0062201 ngày 31/12/2009, 0062310 ngày 31/01/2010 và 0062342 ngày 22/02/2010 có đủ cơ sở xác định công ty T có nợ công ty A số tiền 244.951.524 đồng tiền mua bê tông thương phẩm. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả số tiền 244.951.524 đồng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không lên Tòa theo giấy triệu tập, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền mua hàng còn nợ của nguyên đơn là 244.951.524 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về lãi chậm thanh toán, nguyên đơn xác nhận không yêu cầu tiền lãi. Xét việc nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán: Thời gian xác nhận công nợ đã lâu, bị đơn không tiếp tục thanh toán tiền hàng gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả ngay số tiền còn thiếu khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền 244.951.524 (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, năm trăm hai mươi bốn*) đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 3 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 244.951.524 đồng phải trả cho nguyên đơn, án phí bị đơn phải chịu là 12.247.576 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, Điều 186, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005;

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 3 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty A:

Buộc Công ty T thanh toán cho Công ty A số tiền 244.951.524 (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, năm trăm hai mươi bốn) đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty T phớt lờ chậm thanh toán thì Công ty A có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.247.576 (Mười hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm bảy mươi sáu) đồng do T chịu.

Hoàn lại cho Công ty A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 6.123.788 (Sáu triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm tám mươi tám) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010518 ngày 31/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

Bành Kim Phượng